

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **836/2020/KDTM-PT**
Ngày: 01/9/2020
V/v tranh chấp hợp đồng bảo hiểm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Nhân

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thu Chinh
Bà Lưu Thị Đoàn Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Oanh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án về kinh doanh thương mại thụ lý số: 24/2020/TLPT-KDTM ngày 22 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1239/2019/KDTM-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4196/2020/QĐXX-PT ngày 12 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T

Trụ sở: đường L, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông T và ông D; là người đại diện theo ủy quyền của công ty (Văn bản ủy quyền số ngày 19/5/2020). (có mặt)

Cùng địa chỉ: đường L, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty Bảo hiểm C

Trụ sở: đường Đ, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Q và bà N; Là người đại diện theo ủy quyền của công ty (Văn bản ủy quyền số 755/UQ-VBI10 ngày 13/5/2019) (có mặt)

Địa chỉ: đường K, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Công ty Bảo hiểm C (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/12/2018, ngày 07/3/2019 và quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn Công ty T trình bày:

Công ty T và Công ty Bảo hiểm C ký kết các hợp đồng bảo hiểm sau:

1. Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số 001.KD03.HD.XE.16.07936 ngày 23/6/2016:

+ Đối tượng bảo hiểm: Ôtô khách, hãng xe THACO, biển số: danh sách đính kèm, số chỗ: 46 chỗ, năm sản xuất: 2016, số lượng xe: 10 xe theo danh sách đính kèm;

+ Thời hạn bảo hiểm: 01 năm kể từ 15 giờ 00 ngày 23/6/2016 đến 15 giờ 00 ngày 23/6/2017;

2. Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số 001.KD03.HD.XE.16.07984 ngày 27/6/2016:

+ Đối tượng bảo hiểm: Ôtô khách, hãng xe THACO, biển số: danh sách đính kèm, năm sản xuất: 2016, số lượng xe: 10 xe theo danh sách đính kèm;

+ Thời hạn bảo hiểm: 06 tháng kể từ 15 giờ 00 ngày 27/6/2016 đến 15 giờ 00 ngày 27/12/2016;

3. Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số 001.KD03.HD.XE.16.18539 ngày 22/12/2016:

+ Đối tượng bảo hiểm: Ôtô khách, hãng xe THACO, biển số: danh sách đính kèm, năm sản xuất: 2016, số lượng xe: 10 xe theo danh sách đính kèm;

+ Thời hạn bảo hiểm: 06 tháng kể từ 15 giờ 00 ngày 27/12/2016 đến 15 giờ 00 ngày 27/6/2017;

Trong thời hạn bảo hiểm, xe ô tô biển số 51B-207.. do tài xế Nguyễn Long H điều khiển đã xảy ra các vụ tai nạn vào ngày 31/7/2016, 08/3/2017, 19/3/2017, 26/3/2017. Sau đó, Công ty B đã liên hệ và cung cấp toàn bộ hồ sơ yêu cầu bồi thường cho Công ty Bảo hiểm C theo đúng quy định. Ngày 25/07/2018, Công ty Bảo hiểm C ban hành văn bản số 1419/CV-VBI3 về việc từ chối bồi thường đối với các trường hợp liên quan đến lái xe Nguyễn Long H với các lý do: “... Nguyễn Long H sinh năm 1961 sử dụng giấy phép lái xe số 680953... cấp cho Nguyễn Long H sinh năm 1964 là không phù hợp, thuộc vào điểm loại trừ bảo hiểm tại Thông tư 22/2016/TT-BTC và điểm loại trừ của Quy tắc Bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới, ban hành theo Quyết định số 353/QĐ-VBI6...”.

Tuy nhiên, nguyên nhân mà Công ty Bảo hiểm C từ chối bồi thường là không đúng quy định, không đúng với kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và không đúng với hợp đồng bảo hiểm đã ký kết, bởi các lý do sau:

Một là, các vụ tai nạn liên quan đến lái xe Nguyễn Long H không thuộc một trong các điều khoản bị loại trừ bảo hiểm tại Điều 12 Thông tư 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của bảo hiểm, Điều 11 của Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới ban hành kèm theo Quyết định số 353/QĐ-VBI6 ngày 23/04/2015, căn cứ Điều 4 hợp đồng bảo hiểm vật chất và Điều 4 hợp đồng bảo hiểm dân sự.

Hai là, tại Văn bản số 657/SGTVT-PT&NL ngày 31/05/2018 Sở giao thông Vận tải tỉnh L (BL202) đã kết luận “Kể từ ngày 17/04/2017 GPLX số 680953... không có giá trị sử dụng”. Như vậy, giấy phép lái xe số 680953... của ông Nguyễn Long H

được Sở Giao thông Vận tải tỉnh L cấp ngày 14/04/2016 vẫn có giá trị sử dụng trước ngày 17/04/2017 là khoảng thời gian xảy ra các vụ tai nạn.

Vì vậy, Công ty T khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc Công ty Bảo hiểm C bồi thường số tiền bảo hiểm của 4 vụ tai nạn là 1.786.590.000 đồng. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm Công ty T thay đổi yêu cầu buộc Công ty Bảo hiểm C bồi thường số tiền bảo hiểm của 4 vụ tai nạn là 1.535.264.091 đồng.

Trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, bị đơn Công ty Bảo hiểm C trình bày như sau:

Công ty Bảo hiểm C thừa nhận về việc ký kết các Hợp đồng bảo hiểm theo như Công ty T trình bày là đúng. Trong thời hạn bảo hiểm, các xe ô tô của Công ty T thường xuyên bị tổn thất và đã được Công ty Bảo hiểm C giải quyết bồi thường. Đối với riêng xe ô tô BKS 51B-207... đã xảy ra tổn thất 04 lần vào các ngày 31/7/2016, 08/3/2017, 19/3/2017, 26/3/2017 và khi nhận được yêu cầu của Công ty T thì Công ty Bảo hiểm C đều xem xét, xử lý hồ sơ bồi thường trách nhiệm dân sự và vật chất xe.

Về nguyên nhân tổn thất :

Căn cứ toàn bộ hồ sơ thu thập được liên quan đến những vụ tai nạn của xe ô tô BKS 51B-207... đều do lái xe Nguyễn Long H có Giấy phép lái xe số 680953... điều khiển.

Tại Bản Kết luận điều tra số 56/KLĐT ngày 05/10/2017 của Cơ quan CSĐT Công an huyện D, tỉnh Lâm Đồng kết luận nguyên nhân vụ tai nạn ngày 26/3/2017 như sau : ‘*Nguyễn Long H điều khiển xe ô tô BS : 51B-207.48 đi không đúng phần đường quy định (vi phạm khoản 1 điều 9 – Luật giao thông đường bộ) gây tai nạn giao thông hậu quả 02 người chết, 01 người bị thương, hư hỏng tài sản...*’

Về xác định trách nhiệm bảo hiểm :

Theo Bản Kết luận điều tra số 56/KLĐT ngày 05/10/2017 của Cơ quan CSĐT Công an huyện D, tỉnh Lâm Đồng được biết : ‘Qua quá trình điều tra xác định: tại thời điểm xảy ra tai nạn giao thông, Nguyễn Long H sử dụng giấy phép lái xe hạng E do Sở giao thông vận tải tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/04/2016, trong đó ghi Nguyễn Long H sinh năm 1964. Tại Cơ quan CSĐT Nguyễn Long H khai nhận đã thông qua một người tên T (không xác định được nhân thân lai lịch) xin đổi giấy phép lái xe hạng E và chỉnh sửa thông tin trong Giấy phép lái xe từ năm 1961 thành 1964’.

Ngày 16/11/2017, Công ty Bảo hiểm C đã gửi công văn số 211/CV-VBI HCM đến Sở GTVT tỉnh Lâm Đồng về việc xác nhận thông tin về Giấy phép lái xe của Nguyễn Long H.

Ngày 22/11/2017 Sở GTVT tỉnh Lâm Đồng phúc đáp Công ty Bảo hiểm C bằng công văn số 1499/SGTVT-PT&NL, xác nhận : ‘Ngày 17/4/2017 Sở GTVT tỉnh Lâm Đồng đã ban hành quyết định số 191/QĐ-QLSH thu hồi GPLX số 680953... của ông Nguyễn Long H và đã đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam xóa dữ liệu GPLX của ông Nguyễn Long H trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Đường bộ Việt Nam. Vì vậy Giấy phép lái xe số 680953....không có giá trị sử dụng’.

Căn cứ các quy định tại Hợp đồng bảo hiểm, Quy tắc bảo hiểm và Thông tư 22/2016/TT-BTC, thì thiệt hại của Công ty T do lái xe Nguyễn Long H gây ra thuộc loại trừ bảo hiểm như sau :

Đối với bảo hiểm trách nhiệm dân sự: tại Khoản 3 Điều 12 Thông tư 22/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định quy tắc, điều khoản, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe cơ giới quy định về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm như sau :

“Điều 12. Loại trừ bảo hiểm

Doanh nghiệp bảo hiểm không bồi thường thiệt hại đối với các trường hợp sau:

.....

3. Lái xe không có Giấy phép lái xe hoặc Giấy phép lái xe không phù hợp đối với loại xe cơ giới bắt buộc phải có Giấy phép lái xe. Trường hợp lái xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc không thời hạn thì được coi là không có Giấy phép lái xe.”

Tại phần bảo hiểm Trách nhiệm dân sự bắt buộc của chủ xe cơ giới theo quyết định số 353/QĐ ngày 23/4/2015 của Tổng Giám đốc Công ty Bảo hiểm C quy định “*Bảo hiểm tự nguyện trách nhiệm dân sự (tăng thêm ngoài mức bắt buộc) được áp dụng theo Quy tắc bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới hiện hành do Bộ Tài chính quy định*”. Vì vậy, các điều kiện, điều khoản bảo hiểm và điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo quy định của phần bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc cũng được áp dụng đối với Phần bảo hiểm trách nhiệm dân sự tự nguyện.

Đối với bảo hiểm vật chất xe: tại khoản 3 Điều 11 Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới ban hành theo quyết định số 353/QĐ ngày 23/4/2015 của Tổng Giám đốc Công ty Bảo hiểm C quy định:

“Điều 11: Loại trừ bảo hiểm:

Công ty Bảo hiểm C không chịu trách nhiệm bồi thường bảo hiểm trong các trường hợp sau:

.....

3. Người điều khiển xe không có Giấy phép lái xe hoặc Giấy phép lái xe không phù hợp đối với loại xe cơ giới bắt buộc phải có Giấy phép lái xe. Trường hợp Người điều khiển xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc không thời hạn thì được coi là không có Giấy phép lái xe.”

Như vậy, việc ông H đã chỉnh sửa thông tin trong hồ sơ xin đổi giấy phép lái xe là hành vi làm giả hồ sơ Giấy phép lái xe. Do đó, ngày 12/3/2018, Công ty Bảo hiểm C có công văn số 299/CV-VBI3 gửi Công ty T về việc giải quyết bồi thường đối với xe ô tô BKS 51B-207..., trong đó nêu rõ nguyên nhân từ chối bồi thường là do “*việc lái xe Nguyễn Long H sử dụng GPLX không có giá trị sử dụng để điều khiển và gây ra các vụ tai nạn làm hỏng xe ô tô BKS 51B-207... và thiệt hại đối với người thứ ba, thuộc vào điểm loại trừ bảo hiểm tại Thông tư 22/2016/TT-BTC và Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới của Công ty Bảo hiểm C*”.

Ngày 30/3/2018, Sở GTVT tỉnh Lâm Đồng có công văn số 359/SGTVT-PT&NL (BL155) xác nhận: “*Do ông Nguyễn Long H đã cố tình gian dối trong quá*

trình đổi GPLX, vì vậy, trước thời điểm thu hồi GPLX (sau ngày 19/4/2016), GPLX này không có giá trị sử dụng. Hiệu lực GPLX gần nhất của ông Nguyễn Long H trước khi đổi sang GPLX nêu trên là ngày 19/4/2016, cấp ngày 11/6/2013, hạng E”.

Ngày 31/5/2018, Sở GTVT tỉnh Lâm Đồng có văn bản số 657/SGTVT-PT&NL đính chính văn bản số 359/SGTVT-PT&NL ngày 30/8/2018, xác nhận: “*kể từ ngày 17/4/2017 GPLX số 680953... không có giá trị sử dụng. Hiệu lực GPLX gần nhất của ông Nguyễn Long H trước khi đổi sang GPLX nêu trên là ngày 19/4/2016, cấp ngày 11/6/2013, hạng E*”. Như vậy, Sở GTVT tỉnh Lâm Đồng đã xác định hiệu lực GPLX gần nhất của ông Nguyễn Long H trước khi đổi sang GPLX số 680953... là ngày 19/4/2016.

Căn cứ quyết định thu hồi GPLX và các văn bản đã ban hành của Sở GTVT tỉnh Lâm Đồng thì GPLX số 680953... cấp ngày 14/4/2016 đã bị thu hồi ngày 17/4/2017 và hiệu lực GPLX gần nhất là GPLX cũ cấp ngày 11/6/2013. Do đó, tại thời điểm điều khiển xe gây ra thiệt hại, lái xe Nguyễn Long H không có giấy phép lái xe hợp lệ nên thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm.

Tại văn bản số 262/CV ngày 17/5/2019, Công ty Bảo hiểm C trình bày về việc tính toán giá trị thiệt hại và số tiền hợp lý mà Công ty T có thể yêu cầu bồi thường trong trường hợp ông H có Giấy phép lái xe hợp lệ và tổn thất xảy ra không thuộc điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm như sau:

Phản trách nhiệm dân sự: là 662.460.000 đồng.

Phản thiệt hại vật chất xe: là 872.804.091 đồng.

Trong 04 vụ tổn thất, Công ty Bảo hiểm C đã có phê duyệt giá sửa chữa đối với tổn thất xảy ra với xe ô tô BKS 51B-207... nhưng đây là một trong những khâu của quá trình xem xét, thu thập hồ sơ giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật. Nhưng việc ra quyết định giải quyết bồi thường cụ thể cuối cùng chỉ được thực hiện trên cơ sở hồ sơ đã được người được bảo hiểm cung cấp và Công ty Bảo hiểm C thu thập đầy đủ.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T, Công ty Bảo hiểm C không đồng ý bồi thường vì thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới ban hành theo quyết định số 353/QĐ-VBI6 ngày 23/4/2015 của Tổng Giám đốc Công ty Bảo hiểm C

Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1238/2019/KDTM-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T

Buộc bị đơn Công ty Bảo hiểm C trả số tiền bồi thường bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số 001.KD03.HD.XE.16.07936 ngày 23/6/2016, Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số 001.KD03.HD.XE.16.07984 ngày 27/6/2016, Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số 001.KD03.HD.XE.16.18539 ngày 22/12/2016 là 1.535.264.091 đồng.

Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo.

Không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm, ngày 27/11/2019 Công ty Bảo hiểm C nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, lý do: án sơ thẩm tuyên không xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, không phù hợp với tình tiết khách quan, gây thiệt hại cho quyền và lợi ích chính đáng của bị đơn. Phán quyết đã chấp nhận hiệu lực và giá trị sử dụng của giấy phép lái xe bị thu hồi do lái xe của Công ty T có hành vi cố tình gian dối, giả mạo thông tin trong quá trình xin cấp đổi Giấy phép lái xe. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đồng thời, ngày 27/11/2019 Viện trưởng Viện Kiểm Sát nhân dân Quận 3 cũng có quyết định Kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn

*** Tại phiên tòa Phúc thẩm:**

Các đương sự trong vụ án đề nghị Hội đồng xét xử công nhận hòa giải thành do các bên đã tự thương lượng và thống nhất với nhau những nội dung cụ thể sau đây:

Công ty Bảo hiểm C đồng ý trả cho Công ty T số tiền bồi thường bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số 001.KD03.HD.XE.16.07936 ngày 23/6/2016, Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số 001.KD03.HD.XE.16.07984 ngày 27/6/2016, Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số 001.KD03.HD.XE.16.18539 ngày 22/12/2016 với số tiền là 1.074.684.000 đồng.

Về án phí: Các bên thỏa thuận số tiền án phí sơ thẩm là 44.240.520 đồng, Công ty T chịu 13.272.156 đồng và Công ty Bảo hiểm C chịu 30.968.364 đồng.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng vụ án: các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến các đương sự, sửa bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Đồng thời, xét thấy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 là không còn cần thiết nên rút lại kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử, nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Đơn kháng cáo của Công ty Bảo hiểm C và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm Sát nhân dân Quận 3 còn trong thời hạn kháng cáo, kháng nghị, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[3] Về nội dung thỏa thuận của các đương sự như sau: Các đương sự thỏa thuận về nghĩa vụ thanh toán số tiền bồi thường bảo hiểm; đây là những nội dung thuộc phạm vi khởi kiện của nguyên đơn, đã được cấp sơ thẩm xem xét giải quyết và quyết định trong bản án sơ thẩm.

[4] Xét thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, cần sửa bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại: Số tiền án phí phải nộp là 44.240.520 đồng, do các bên đương sự đã thỏa thuận Công ty T chịu 13.272.156 đồng và Công ty Bảo hiểm C chịu 30.968.364 đồng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Công ty T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí phúc thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại: Công ty Bảo hiểm C phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 147, Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Điểm b Điều 13 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm:

1. Công ty Bảo hiểm C có nghĩa vụ trả cho Công ty T tiền bồi thường bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số 001.KD03.HD.XE.16.07936 ngày 23/6/2016, Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số 001.KD03.HD.XE.16.07984 ngày 27/6/2016, Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số 001.KD03.HD.XE.16.18539 ngày 22/12/2016 với số tiền là 1.074.684.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Án phí sơ thẩm đối với tranh chấp kinh doanh thương mại:

Công ty Bảo hiểm C chịu số tiền 30.968.364 đồng;

Công ty T chịu số tiền 13.272.156 đồng. Sau khi căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.798.850 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021965 ngày 27/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Công ty T được hoàn lại số tiền là 19.526.694 đồng.

5. Án phí phúc thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại:

Công ty Bảo hiểm C phải chịu số tiền là 2.000.000 đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0014878 ngày 04/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận B Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh;
- TAND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thanh Nhân